



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH LUẬT QUỐC TẾ

Đơn vị tổ chức đào tạo: Khoa Luật quốc tế, Học viện Ngoại giao

Phòng: D609-D614

Email: khoaluatquocte@dav.edu.vn

❖ MỤC TIÊU:

Chương trình đào tạo ngành Luật quốc tế được xây dựng theo định hướng nghề nghiệp với mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội về luật quốc tế, chú trọng khả năng thích ứng và hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện.

Chương trình có mục tiêu đào tạo cử nhân Luật quốc tế có kiến thức nền tảng vững chắc và kiến thức chuyên sâu về luật pháp quốc tế và luật pháp Việt Nam; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp để làm việc hiệu quả trong lĩnh vực luật pháp quốc tế, luật pháp Việt Nam; có năng lực nghiên cứu, và tự học để nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp; có năng lực thực hành nghề luật trong các hệ thống pháp luật khác nhau; có phẩm chất chính trị, đạo đức, có trách nhiệm với xã hội; có kiến thức nền tảng về kinh tế, xã hội, công nghệ thông tin và thông thạo ít nhất một ngoại ngữ.

❖ CHUẨN ĐẦU RA:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân ngành luật quốc tế, người học đạt được các chuẩn đầu ra (CDR) sau đây:



Mã CDR	Nội dung CDR	Trình độ năng lực
KIẾN THỨC		
PLO1	Hiểu được những khái niệm và những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam giúp hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho sinh viên khi tiếp cận và phân tích các vấn đề về quốc tế và Việt Nam nói chung và vấn đề pháp lý nói riêng.	2/6
PLO2	Vận dụng kiến thức về các khía cạnh quan trọng của trong quan hệ giữa các quốc gia và đời sống quốc tế nói chung như chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, truyền thông quốc tế,... để có thể hiểu toàn diện hơn các vấn đề pháp lý.	3/6
PLO3	Phân tích các vấn đề pháp lý phát sinh trong quan hệ quốc tế giữa các quốc gia, tổ chức liên chính phủ và các chủ thể khác của quan hệ quốc tế từ góc độ pháp luật quốc tế.	4/6
PLO4	Phân tích được các vấn đề pháp lý phát sinh trong quan hệ giữa cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác từ góc độ pháp luật Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực pháp luật dân sự.	4/6
PLO5	Hiểu được sự giống nhau và khác nhau cơ bản giữa các hệ thống pháp luật, giữa luật pháp quốc tế và pháp luật Việt Nam.	2/6



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

KỸ NĂNG		
PLO6	Phát triển kỹ năng nghiên cứu, tư vấn về các vấn đề pháp lý theo luật pháp quốc tế và pháp luật Việt Nam, bao gồm kỹ năng phân tích tình huống, xác định vấn đề pháp lý, tìm luật, giải thích và áp dụng pháp luật, xây dựng lập luận và viết pháp lý.	4/5
PLO7	Làm chủ các kỹ năng chung như phân biện, viết, giao tiếp, hợp tác và làm việc nhóm; khả năng nhận diện, nắm bắt sự thay đổi, tiếp thu cái mới để thích ứng và hội nhập trong môi trường đa văn hóa.	3/5
PLO8	Phát triển kỹ năng đàm phán, giao kết, tổ chức thực hiện và giải quyết tranh chấp liên quan đến điều ước quốc tế và hợp đồng.	3/5
PLO9	Sử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ (tương đương trình độ B2, Khung tham chiếu châu Âu hoặc một chuẩn quốc tế khác tương đương) để giao tiếp hiệu quả đồng thời có khả năng đọc, dịch, tổng hợp thông tin, viết báo cáo hay trình bày về các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực luật quốc tế bằng ngoại ngữ.	4/5
PL10	Sử dụng các phần mềm tin học văn phòng như: MS Word, Excel, Powerpoint và có năng lực số nói chung phục vụ hiệu quả cho công việc.	3/5



MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM		
PL011	Xây dựng được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức kỷ luật; có tinh thần hợp tác và phụng sự đất nước.	4/5
PL012	Xây dựng ý thức tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.	4/5

Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5)

❖ CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc của chương trình đào tạo và khối lượng học tập

STT	Nội dung	Số tín chỉ (TC)	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	13	13	
2	Kiến thức ngoại ngữ	24	15	09
3	Khối kiến thức bổ trợ	09		09
4	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	61	40	21
	- Kiến thức cơ sở khối ngành	06	06	
	- Kiến thức cơ sở ngành	34	25	09
	- Kiến thức chuyên ngành	21	09	12



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

5	Học phần kỹ năng	08		08
6	Kiến thức hướng nghiệp và tốt nghiệp	12	12	
Tổng tín chỉ		127	80	47

2. Nội dung của chương trình đào tạo

2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 13 tín chỉ*

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Triết học Mác – Lênin	FC.001.03	03	Tiếng Việt
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	FC.002.02	02	Tiếng Việt
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	FC.003.02	02	Tiếng Việt
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	FC.004.02	02	Tiếng Việt
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	FC.005.02	02	Tiếng Việt
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	IL.001.02	02	Tiếng Việt
7	Năng lực số	IT.002.02	02	Tiếng Việt
8	Giáo dục thể chất	AAD.001.03	03	Tiếng Việt
9	Giáo dục quốc phòng - an ninh	AAD.002.08	08	Tiếng Việt

* không bao gồm số tín chỉ của học phần Năng lực số, Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-an ninh.



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

2.2. Khối kiến thức ngoại ngữ: 24 tín chỉ

Sinh viên được học theo trình độ phù hợp (sơ cấp, trung cấp hoặc nâng cao) và được lựa chọn (có điều kiện (*)) học 01 ngoại ngữ (ngoại ngữ 1: 24 tín chỉ) hoặc 02 ngoại ngữ (ngoại ngữ 1: 15 tín chỉ và ngoại ngữ 2: 9 tín chỉ).

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Ngoại ngữ I	24 hoặc 15	Ngoại ngữ I
2	Ngoại ngữ II	01 hoặc 09	Ngoại ngữ II

- Đối với NN1, sinh viên lựa chọn học 1 trong 5 ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn. Đối với NN2, sinh có thể lựa chọn 1 trong các ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Đức.
- (*) Chỉ sinh viên có trình độ ngoại ngữ chính (NN1) từ trung cấp trở lên mới được lựa chọn học thêm ngoại ngữ thứ 2. Sinh viên có trình độ sơ cấp phải học đủ 24 tín chỉ ngoại ngữ 1.

2.3. Khối kiến thức bổ trợ: 09 tín chỉ

Sinh viên chọn 03 học phần trong số các học phần sau của Khối kiến thức bổ trợ. Các học phần bổ trợ được lựa chọn và đăng ký theo hình thức tín chỉ và phải hoàn thành trước khi kết thúc học kỳ VII:

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Công tác ngoại giao	IR.025.03	03	Tiếng Việt
2	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	IR.005.03	03	Tiếng Việt
3	Chính sách đối ngoại Việt Nam	IR.046.03	03	Tiếng Việt
4	Đại cương truyền thông quốc tế	IC.061.03	03	Tiếng Việt
5	Ngoại giao văn hoá	IC.010.03	03	Tiếng Việt



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

6	Quan hệ kinh tế quốc tế	IE.006.03	03	Tiếng Việt
7	Kinh doanh quốc tế	IE.042.03	03	Tiếng Việt
8	Công tác ngoại giao	IR.026.03	03	Tiếng Việt
9	Giao tiếp liên văn hóa	E.035.02	03	Tiếng Việt

2.4. Khối kiến thức chuyên nghiệp: 61 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
a. Kiến thức cơ sở khối ngành: 06 tín chỉ				
1	Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam	IL.002.03	03	Tiếng Việt
2	Luật hiến pháp Việt Nam và các nước	IL.003.03	03	Tiếng Việt
b. Kiến thức cơ sở ngành: 34 tín chỉ Sinh viên phải hoàn thành 34 tín chỉ kiến thức cơ sở ngành bao gồm 25 tín chỉ bắt buộc (09 học phần) và 09 tín chỉ tự chọn (03 học phần).				
Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc: 25 tín chỉ				
1	Công pháp quốc tế I	IL.056.02	02	Tiếng Việt/Anh
2	Công pháp quốc tế II	IL.057.03	03	Tiếng Việt/Anh
3	Tư pháp quốc tế	IL.004.03	03	Tiếng Việt/Anh
4	Luật kinh tế quốc tế	IL.007.03	03	Tiếng Việt/Anh



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

5	Luật dân sự Việt Nam I	IL.058.02	03	Tiếng Việt
6	Luật dân sự Việt Nam II	IL.059.03	03	Tiếng Việt
7	Luật thương mại Việt Nam	IL.015.03	03	Tiếng Việt
8	Luật hình sự Việt Nam	IL.011.03	03	Tiếng Việt
9	Luật hành chính Việt Nam	IL.018.03	03	Tiếng Việt
Kiến thức cơ sở ngành tự chọn: 09 tín				
1	Luật hợp đồng Việt Nam	IL.012.03	03	Tiếng Việt
2	Luật doanh nghiệp Việt Nam	IL.013.03	03	Tiếng Việt
3	Luật đầu tư Việt Nam	IL.014.03	03	Tiếng Việt
4	Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam	IL.016.03	03	Tiếng Việt
5	Luật lao động Việt Nam	IL.017.03	03	Tiếng Việt
6	Luật tổ tụng dân sự Việt Nam	IL.010.03	03	Tiếng Việt
7	Luật so sánh	IL.006.03	03	Tiếng Việt
8	Luật môi trường Việt Nam	IL.053.03	03	Tiếng Việt
<i>c. Kiến thức chuyên ngành Luật quốc tế bắt buộc: 09 tín chỉ</i>				
1	Nguồn của Luật quốc tế	IL.048.03	03	Tiếng Việt/Anh
2	Luật biển quốc tế	IL.025.03	03	Tiếng Việt/Anh
3	Giải quyết tranh chấp quốc tế	IL.027.03	03	Tiếng Việt/Anh



d. Kiến thức chuyên ngành Luật quốc tế tự chọn: 12 tín chỉ

Sinh viên cần lựa chọn 04 học phần để hoàn thành 12 tín chỉ trong các học phần dưới đây. Cố vấn học tập và giảng viên chủ nhiệm khóa sẽ hướng dẫn sinh viên lựa chọn các học phần phù hợp với định hướng học tập, nghiên cứu và nghề nghiệp tương lai.

Các học phần tự chọn có thể được điều chỉnh và bổ sung trên cơ sở nhu cầu của sinh viên, xã hội và tình hình nhân sự thực tế của Khoa

1	Luật nhân quyền quốc tế	IL.023.03	03	Tiếng Việt/Anh
2	Luật tổ chức quốc tế	IL.024.03	03	Tiếng Việt/Anh
3	Luật ngoại giao và lãnh sự	IL.028.03	03	Tiếng Việt/Anh
4	Luật môi trường quốc tế	IL.026.03	03	Tiếng Việt/Anh
5	Luật nguồn nước quốc tế và vấn đề Mê Công	IL.041.03	03	Tiếng Việt/Anh
6	Luật nhân đạo quốc tế	IL.043.03	03	Tiếng Việt/Anh
7	Luật hình sự quốc tế	IL.042.03	03	Tiếng Việt/Anh
8	Luật WTO	TL.022.03	03	Tiếng Việt/Anh
9	Luật đầu tư quốc tế	IL.029.03	03	Tiếng Việt/Anh
10	Luật sở hữu trí tuệ quốc tế	IL.031.03	03	Tiếng Việt/Anh
11	Trọng tài thương mại quốc tế	IL.032.03	03	Tiếng Việt/Anh
12	Luật kinh doanh quốc tế	IL.033.03	03	Tiếng Việt/Anh



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

13	Pháp luật Liên minh Châu Âu	IL.044.03	03	Tiếng Việt/Anh
14	Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới	IL.045.03	03	Tiếng Việt/Anh
15	Luật quốc tế về biên giới – lãnh thổ	IL.060.03	03	Tiếng Việt/Anh
16	Pháp luật ASEAN	IL.061.03	03	Tiếng Việt/Anh

2.5. Khối học phần kỹ năng: 08 tín chỉ

Sinh viên cần lựa chọn 04 học phần để hoàn thành 08 tín chỉ trong các học phần dưới đây. Cố vấn học tập và giảng viên chủ nhiệm khóa sẽ hướng dẫn sinh viên lựa chọn các học phần phù hợp với định hướng học tập, nghiên cứu và nghề nghiệp tương lai.

Các học phần tự chọn có thể được điều chỉnh và bổ sung trên cơ sở nhu cầu của sinh viên, xã hội và tình hình nhân sự thực tế của Khoa.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Kỹ năng tranh tụng và thực hành diễn án luật	IL.034.02	02	Tiếng Việt
2	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	IR.024.02	02	Tiếng Việt
3	Kỹ năng soạn thảo, đàm phán, ký kết và thực hiện điều ước quốc tế	IL.046.02	02	Tiếng Việt
4	Kỹ năng tư vấn pháp luật và hành nghề luật	IL.047.02	02	Tiếng Việt
5	Kỹ năng lập luận và viết pháp lý	IL.055.02	02	Tiếng Việt



2.6. Hướng nghiệp, Thực tập và tốt nghiệp: 12 tín chỉ**

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Hướng nghiệp	AAD.037.02	02	Tiếng Việt
2	Thực tập cuối khóa	IL.038.03	03	Tiếng Việt
Tùy theo kết quả học tập, năng lực của sinh viên và điều kiện về giảng viên hướng dẫn, người học làm khoá luận tốt nghiệp hoặc học các học phần sau đây:				
3	- Khóa luận tốt nghiệp * - Hoặc học và thi một số học phần chuyên ngành***	IL.039.10	12	Tiếng Việt/ Tiếng Anh

** Không bao gồm số tín chỉ của học phần Hướng nghiệp và Thực tập cuối khóa.

*** Sinh viên lựa chọn học phần trong số những học phần thuộc khối Kiến thức chuyên ngành tự chọn mà trước đó chưa học.